

PHỤ LỤC I

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT KÈM THEO MÁY XÉT NGHIỆM XIN BÁO GIÁ NĂM 2023

(Đính kèm thư mời số /TM-TTYT ngày /4/2023 của Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên)

STT	Tên hóa chất	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Nhóm TCKT	Quy cách	Đơn vị tính	Ghi chú
1. NHÓM HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG COMBI-ITALIA (22 mặt hàng)						
1	URIC ACID	Hóa chất phân tích sinh hóa URIC ACID -LQ Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Axit uric trong huyết thanh, huyết tương, máu người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R 1 Buffer : Phosphate pH 7,4 50 mmol/L 2-4 Dichlorophenol sulfonate (DCPS) 4 mmol/L - R 2 Enzymes : Uricase 60 U/L Peroxidase (POD) 660 U/L Ascorbate oxidase 200 U/L 4 – Aminophenazone (4-AP) 1 mmol/L - URIC ACID CAL : Uric acid aqueous primary standard 6mg/dL	Nhóm 3			
2	DIRECT BILIRUBIN	Hóa chất phân tích sinh hóa Direct Bilirubin DPD Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo nồng độ Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Sulfamic acid 10 0 mM - R2: 2,4-DPD 0.5 mM Hydrochloric acid (HCL) 0.3 M.	Nhóm 3			

3	TOTAL BILIRUBIN	Hóa chất phân tích sinh hóa BILIRUBIN T- DPD Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Bilirubin toàn phần trong máu toàn phần người. Phục vụ chẩn đoán y học. Thành phần: R 1: - Surfactants < 1% - Hydrochloric acid (HCl) 160 mM R 2: - 2,4-DPD ≥ 2 mM - Hydrochloric acid (HCl) 120 mM - Surfactants < 1%	Nhóm 3			
4	DIRECT HDL CHOLESTEROL	Hóa chất phân tích sinh hóa HDLc -D Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số HDL trong huyết thanh người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 6,6: 100 mM N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS): 0.7 mM Cholesterol Esterase ≥ 800 U/L Cholesterol oxidase ≥ 500 U/L Catalase ≥ 300 U/L Ascorbic oxidase ≥ 3000 U/L - R2: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 7,0: 1.1mmol/l 4 – Aminoantipyrine (4-AA): 100 mM Peroxidase ≥ 3500 U/L.	Nhóm 3			

5	TOTAL CHOLESTEROL	Hóa chất phân tích sinh hóa Cholesterol-LQ Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - Hóa chất chính: PIPES pH 6,9 90 mmol/L Phenol 26 mmol/L Cholesterol esterase (CHE) 1000 U/L Cholesterol oxidase (CHOD) 300 U/L Peroxidase (POD) 650 U/L 4 - Aminophenazone (4-AP) 0,4mmol/L - CHOLESTEROL CAL: Cholesterol dung dịch nước tiêu chuẩn chính 200 mg/dL. Chứa Triton X-114 10-15%	Nhóm 3			
6	CREATININE -J. Jaffé. Colorimetric- Kinetic.	Hóa chất phân tích sinh hóa Creatinine -J. Jaffé Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Creatinine trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1 Picnic acid 17,5 mmol/L - R2 Sodium hydroxide 0,29 mol/L	Nhóm 3			
7	GLYCO HAEMOGLOBIN	Hóa chất phân tích sinh hóa Direct HbA1c Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số HbA1c trong máu người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Latex 0.13% Buffer, Stabilizer. - R2: Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody 0,05 mg/ml, Goat anti-mouse IgG polyclonal antibody 0,08 mg/dl, Buffer,stabilizers - R3: Water and stabilizers	Nhóm 3			

8	GAMMA-GT	Hóa chất phân tích sinh hóa g-GT-LQ Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo nồng độ GGT trong huyết thanh người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Tris pH 8.25: 100 mmol/l Glycylglycine: 100 mmol/l - R2: L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 3 mmol/l	Nhóm 3			
9	GLUCOSE	Hóa chất phân tích sinh hóa Glucose Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo nồng độ Glucose trong huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Tris pH 8.25: 92 mmol/l Phenol: 0.3 mmol/l - R2: Glucose oxidase: 15000 U/L Peroxidase: 1000 U/L 4-Aminophenazone: 2.6 mmol/l - Glucose CAL: nồng độ Glucose 100mg/dl	Nhóm 3			
10	AST-GOT	Hóa chất phân tích sinh hóa GOT / AST -LQ. IFCC Enzymatic –UV Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo nồng độ GOT trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Tris pH 8.25: 80mmol/l; Lactate dehydrogenase (LDH): 800U/L Malate dehydrogenase (MDH): 600U/L L-Aspartate: 200mmol/l - R2: NADH: 0.18 mmol/l A-Ketoglutarate: 12 mmol/l	Nhóm 3			

11	ALT-GPT	Hóa chất phân tích sinh hóa GPT / ALT -LQ. IFCC. Enzymatic - UV Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo nồng độ GPT trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1: Tris pH 7.8: 100 mmol/l Lactate dehydrogenase (LDH): 1200 U/L L-Alanine: 500mmol/l - R2: NADH: 0.18 mmol/l. α-Ketoglutarate: 15 mmol/l	Nhóm 3				
12	TOTAL PROTEIN	Hóa chất phân tích sinh hóa TOTAL PROTEINS Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo tổng số protein trong huyết thanh người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R Biuret: Sodium potassium tartrate 15 mmol/L Sodium iodide 100 mmol/L Potassium iodide 5 mmol/L Copper (II) sulphate 5 mmol/L	Nhóm 3				
13	TRIGLYCERIDES	Hóa chất phân tích sinh hóa TRIGLYCERIDES -LQ Hóa chất phân tích sinh hóa dùng cho các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động để đo chỉ số Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R: GOOD pH 6.3 50 mmol/L p-Chlorophenol 2 mmol/L Lipoprotein lipase (LPL) 150000 U/L Glycerol kinase (GK) 500 U/L Glycerol-3-oxidase (GPO) 3500 U/L Peroxidase (POD) 440 U/L 4 – Aminophenazone (4-AP) 0,1 mmol/L ATP 0,1 mmol/L	Nhóm 3				

19	HbA1c DIRECT CONTROL SET IMT	Hóa chất phân tích sinh hóa Direct HbA1c Control Direct HbA1c Control là một chất kiểm chuẩn, dành cho việc kiểm chuẩn phép đo HbA1c trên các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - Chứa máu người với nồng độ HbA1c ghi trên mỗi lọ, chất bảo quản.	Nhóm 3				
20	Wash Solution	Sử dụng cho máy sinh hóa	Nhóm 3				
21	Cuvet	Sử dụng cho máy sinh hóa	Nhóm 3				
22	Bóng đèn máy sinh hoá	Sử dụng cho máy sinh hóa	Nhóm 3				

2. NHÓM HÓA CHẤT HUYẾT HỌC SỬ DỤNG CHO MÁY HUYẾT HỌC SIEMENS ADVIA 360 (04 mặt hàng)

1	Erba Lyse-Diff	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học Thành phần: Chất hoạt động bề mặt < 3,5%, dung dịch đệm < 1,0%, chất bảo quản < 0,5%, chất ổn định < 0,5% trong nước khử ion	Nhóm 3				
2	Diatro Dil-DIFF	Chất tẩy rửa < 1.0 % Chất đệm < 1.0 % Chất bảo quản < 0.5 % Chất ổn định < 0.5 % Nước không có ion	Nhóm 3				
3	Diatro Cleaner	Chất tẩy rửa < 1.0 % Chất đệm < 1.0 % Chất bảo quản < 0.5 % Chất ổn định < 0.5 % Nước không có ion	Nhóm 3				
4	R&D CBC-3D Control	Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức Thấp-Trung-Cao	Nhóm 3				

3. NHÓM HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY PHÂN TÍCH ĐIỆN GIẢI EASYLYTE EXPAND - MEDICA (01 mặt hàng)

1	Easylyte Na/K/Cl/Ca/Li Solutions Pack	Thành phần: Standard A Solution, 800mL 140.0 mmol/L Na+ 4.0 mmol/L K+ 125.0 mmol/L Cl- 1.25 mmol/L Ca++ 1.00 mmol/L Li+ Buffer Preservative Wetting Agent Standard B Solution, 180mL 35.0 mmol/L Na+ 16.0 mmol/L K+ 41.0 mmol/L Cl- 2.50 mmol/L Ca++ 0.40 mmol/L Li+ Buffer Preservative Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	Nhóm 3			
4. TEST THỬ NƯỚC TIỂU SỬ DỤNG CHO MÁY CLINTEK STATUS-SIEMENS (01 mặt hàng)						
1	Test thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số Multistix 10 SG 100 được dùng cho máy phân tích nước tiểu bán tự động Clinitek Status và Clinitek Advantus. 10 thông số xét nghiệm của que thử nước tiểu Multistix 10SG 100 bao gồm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen	Nhóm 3			
5. NHÓM HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY ĐÔNG MÁU BÁN TỰ ĐỘNG CLOT 2B (03 mặt hàng)						
1	PT	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích đông máu	Nhóm 3			
2	APTT	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích đông máu	Nhóm 3			
3	FIB	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích đông máu	Nhóm 3			

6. NHÓM HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY PHÂN TÍCH KHÍ MÁU EASYBLOODGAS ANALYZER - MEDICA (01 mặt hàng)

1	EasyBloodGas Reagent Module	Sản phẩm là hóa chất được dùng để xác định định lượng pH (hoạt độ ion hydro), pCO2 (carbon dioxide áp suất từng phần) và pO2 (oxy áp suất từng phần) trên các mẫu máu toàn phần bằng Máy xét nghiệm MEDICA EasyBloodGas™. THÀNH PHẦN THUỐC THỬ BAO GỒM: Dung dịch hiệu chuẩn A, 550mL 7,30 - 7,50 pH 30 - 40 mmHg CO2 125 - 175 mmHg O2 Chất Đệm Chất bảo quản Chất làm ướt Dung dịch hiệu chuẩn B, 300mL 6,80 - 7,00 pH 66 - 76 mmHg CO2 0 mmHg O2 Chất Đệm Chất bảo quản Chất làm ướt Dung dịch rửa sạch, 700mL Chất Đệm Chất bảo quản Chất làm ướt Thùng chứa chất thải	Nhóm 3			
---	--------------------------------	--	--------	--	--	--

7. Nhóm Test thử sử dụng cho máy HbA1C (02 mặt hàng)

1	HBA1c Quo-Lab	Thành phần 1 kit test: Ammonium Chloride 0.54% Sodium, Deoxycholate Monohydrate 0.40% Sodium Azide: hàm lượng phù hợp Nước Boronate conjugate 11 µg	Nhóm 3			
---	---------------	--	--------	--	--	--

2	Quo-Lab Quality control set	+ Normal A1c control: 0,25ml - Thành phần chính: máu người đã được sàng lọc loại bỏ kháng nguyên viêm gan B, HIV-1, HIV-2, kháng thể viêm gan C và giang mai. - Thành phần phụ: Kaki Xyanua +Abnormal A1c Control: 0,25ml - Thành phần chính: máu người đã được sàng lọc loại bỏ kháng nguyên viêm gan B, HIV-1, HIV-2, kháng thể viêm gan C và giang mai. - Thành phần phụ: Kaki Xyanua + Nước, natri azide 2 ml	Nhóm 3			
	Tổng cộng: 34 mặt hàng					

